

Bản án số: **05/DS-ST**

Ngày 29/3/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỖY HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Trương Thị Bích Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2023/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024 ngày 29 tháng 02 năm 2024 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm Đ, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lê Hữu H**, sinh năm 1977.

Trú tại: Xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2023, Bản tự khai và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên tháng 8/2018, bà P có cho ông Lê Hữu H, sinh năm 1977 ở xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An vay số tiền là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn), mục đích để ông H làm nhà. Thời điểm vay tiền, giữa bà P và ông H không lập thành văn bản. Hai bên thoả thuận mỗi tháng ông H trả số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cho đến ngày ông Lê Hữu H trả hết số tiền vay 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) và không thoả thuận về lãi suất. Sau đó, ông H không thực hiện trả nợ cho bà P theo thoả thuận. Nên ngày 02/04/2020, ông H đã lập văn bản thoả thuận sẽ trả tiền cho bà

P vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Thời điểm thực hiện, cho đến khi hết số tiền nợ 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P.

Đến nay, bà P xác định ông Lê Hữu H vẫn chưa thanh toán cho bà P toàn bộ số tiền đã nợ. Nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Hữu H phải trả cho bà số tiền đã vay là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn ông Lê Hữu H trình bày:*

Ông H thừa nhận như bà P trình bày, vào tháng 8/2018, ông H làm nhà và có vay số tiền 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1981, trú tại xóm Đ, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An. Ông H đã nhận đủ số tiền vay 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) vào nhiều lần và ông thoả thuận sẽ trả tiền cho bà P 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, cho đến khi hết số tiền nợ 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng). Đến ngày 02/4/2020, ông H có viết biên bản thoả thuận trả tiền nợ cho bà P, theo yêu cầu của bà P. Ông H thoả thuận hàng tháng thanh toán số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch, cho đến khi hết số tiền nợ 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng). Theo ông H trình bày, trong thời gian từ tháng 9 năm 2018 đến trước tháng 4 năm 2020, (trước ngày viết biên bản thoả thuận) ông đã trả được cho bà P một số tiền nhưng ông không nhớ cụ thể là bao nhiêu và khi trả tiền cho bà P ông không lập thành văn bản. Sau khi viết biên bản thoả thuận ngày 02/4/2020, hàng tháng ông đều trả đủ cho bà P số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) hoặc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) như đã thoả thuận. Tuy nhiên, ông không nhớ rõ tháng nào trả 10.000.000 đồng, tháng nào trả 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và do tin tưởng bà P nên khi trả tiền ông không lập thành văn bản.

Nay bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông phải trả cho bà P toàn bộ số tiền vay là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi thì ông H không nhất trí. Vì ông H cho rằng từ thời điểm tháng 9 năm 2018 đến khi bà P làm đơn khởi kiện ông đã trả được cho bà P số tiền khoảng 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Đối với số tiền đã trả ông không có chứng cứ gì để chứng minh. Đến nay, ông H xác định ông còn nợ bà P số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết, Toà án tiến hành hoà giải giữa các đương sự nhưng không thành công.

Tại phiên toà: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Hữu H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) và bà không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn ông Lê Hữu H, giữ nguyên ý kiến cho rằng ông đã trả cho bà P số tiền khoảng 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và ông còn nợ bà P số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên toà:

Về việc tuân theo pháp luật: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Buộc ông Lê Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Lê Hữu H phải chịu án phí là 19.500.000 đồng. Trả lại cho chị Nguyễn Thị P số tiền đã nộp tạm ứng án phí 8.225.000 đồng tại biên lai số 0006049 ngày 15/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hữu H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Hữu H sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, bị đơn ông Lê Hữu H có đủ cơ sở xác định:

Giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P và bị đơn là ông Lê Hữu H đều thống nhất vào tháng 8/2018, bị đơn ông Lê Hữu H đã trực tiếp vay của bà P số tiền là 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng), để làm nhà. Thời điểm thực hiện giao dịch vay tiền hai bên không lập thành văn bản. Đến ngày 02/4/2020, bị

đơn ông H viết biên bản thoả thuận, hàng tháng thanh toán số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) vào ngày 15 dương lịch, cho đến khi hết số tiền nợ 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng) cho bà P. Xét thấy, giao dịch vay tiền trên được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của giao dịch hợp pháp. Các bên đều thừa nhận sự việc có thật, không có ý kiến gì nên xác định giao dịch vay tiền tháng 8/2018 giữa bà P và ông H có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn về việc cho rằng đã trả cho nguyên đơn 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn ông Lê Hữu H cho rằng từ tháng 9/2018 cho đến khi bà P làm đơn khởi kiện ông đã trả được cho bà P số tiền khoảng 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), do tin tưởng bà P nên khi trả tiền ông không lập thành văn bản. Thấy rằng, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H đều không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ của mình. Nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc đã trả khoản tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng) cho bà P.

Khi đến hạn thanh toán, bị đơn ông H không trả số tiền trên cho nguyên đơn bà P và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Lê Hữu H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 466; 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; - Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; - Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P;

2. Buộc ông Lê Hữu H trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ 390.000.000

đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 19.500.000đ (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí 8.225.000 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0006049 ngày 15/11/2023.

4. Kể từ thời điểm bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn